TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2024/DS-ST
Ngày 17 tháng 5 năm 2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Phượng

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn; Ông Vũ Đức Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 700/2023/TLST-DS ngày 30-11-2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-DS ngày 01-4-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2024/QĐST-DS ngày 17-4-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á.

Địa chỉ: Số D đường N, Phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1986, địa chỉ: Lô A số A đường H, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 1793/2023/UQ-QLN.23 ngày 26-10-2023). (Có mặt)

Bị đơn: Anh Hồ Trọng P, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Số B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Á (Viết tắt A) và anh P ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-4-2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Theo đó, A cho anh P vay hạn mức 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất

trong hạn, lãi quá hạn hai bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Tính đến ngày 17-5-2024 anh P còn nợ số tiền gốc và lãi là 169.377.055đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm năm lăm đồng) trong đó gồm nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng), lãi quá hạn 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng).

A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc: Anh P thanh toán tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 17-5-2024 là 169.377.055đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm năm lăm đồng) trong đó gồm nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng), lãi quá hạn 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng); Anh P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 18-5-2024 cho đến khi anh P trả xong nợ.

2. Đối với bị đơn anh P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh P đến Tòa án làm việc nhưng anh P không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Sau đó, Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ của anh P tại Công an phường T, thành phố V thì anh P có đăng ký cư trú tại địa chỉ số B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh P theo quy định pháp luật.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến: Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa có căn cứ xác định bị đơn anh P có ký Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-4-2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Tính đến ngày 17-5-2024 anh P còn nợ số tiền gốc và lãi là 169.377.055đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy bảy ngàn không trăm năm lăm đồng) trong đó gồm nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng), lãi quá hạn 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng). Anh P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền gốc, lãi suất phát sinh. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A buộc anh P thanh t trả cho A số tiền tính đến ngày 17-5-2024 là 169.377.055đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy bảy ngàn không trăm năm lăm đồng) trong đó gồm nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng), lãi quá hạn 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng) và anh P phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 18-5-2024 cho đến khi anh P trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] A khởi kiện yêu cầu anh P thanh t trả số tiền còn nợ gốc, lãi theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-4-2018 giữa A và anh P đã ký nên đây là quan hệ tranh chấp về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và bị đơn anh P có đăng ký cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh P có đăng ký cư trú tại địa chỉ số B đường N, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ này. Xét thấy, anh P chuyển đi nơi khác nhưng không thông báo cho chính quyền địa phương và A nơi anh P chuyển đến nên thuộc trường hợp cố tình che giấu địa chỉ. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đối với anh P theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của A thì thấy:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-4-2018 (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) thì anh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi suất phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng. Vì vậy, A yêu cầu anh P trả tiền nợ gốc và lãi suất là đúng quy định tại Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng.

[3] Về yêu cầu khởi kiện trả tiền nợ gốc và lãi quá hạn theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06-4-2018:

[3.1] Đối với yêu cầu anh P trả số tiền nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng): Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 06-4-2018, tính đến ngày 17-5-2024 anh P còn nợ gốc chưa thanh toán cho A số tiền là 109.974.594đ. Như vậy, anh P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc cho A. Do đó, A yêu cầu anh P thanh t trả số tiền nợ gốc còn lại là 109.974.594đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh P phải thanh toán số tiền nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng) cho A.

[3.2] Về yêu cầu tiền lãi quá hạn tính đến ngày 17-5-2024 là 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng): Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng ngày 06-4-2018 hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn. Xét, anh P vi phạm nghĩa vụ thanh toán, anh Đ nợ tổng số tiền lãi quá hạn là 59.402.461đ. Do đó, A yêu cầu anh P trả tiền lãi quá

hạn là 59.402.461đ là đúng, phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A buộc anh P phải thanh toán tiền lãi quá hạn là 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng) cho A.

[3.3] Đối với yêu cầu anh P trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kể từ ngày 18-5-2024 đến khi trả xong nợ: Yêu cầu này của A là phù hợp với quy định của pháp luật và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng các bên đã ký kết. Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, anh P phải thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 18-5-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho A.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của A được chấp nhận là 8.468.853đ (Tám triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm năm ba đồng) (169.377.055đ x 5%).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17-10-2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Á đối với bị đơn anh Hồ Trọng P.

Buộc anh Hồ Trọng P phải có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Á số tiền là 169.377.055đ (Một trăm sáu mươi chín triệu ba trăm bảy bảy ngàn không trăm năm lăm đồng) trong đó gồm nợ gốc là 109.974.594đ (Một trăm lẻ chín triệu chín trăm bảy bốn ngàn năm trăm chín tư đồng), lãi quá hạn 59.402.461đ (Năm mươi chín triệu bốn trăm lẻ hai ngàn bốn trăm sáu mốt đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06-4-2018 và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Kể từ ngày 18-5-2024, anh P còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành ngày 06-4-2018 và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng, tổ chức tín dụng cho vay

thì lãi suất anh P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP Á cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng tổ chức tín dụng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 8.468.853đ (Tám triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn tám trăm năm ba đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Á là 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002286 ngày 28-11-2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND Tp. VT;
- Chi Cục THA DS Tp.VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ngô Thị Phượng